

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 141/2025/DS-ST

Ngày 29 – 4 – 2025

V/v tranh chấp HĐ cầm cố tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Út

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Công Minh

Bà Đoàn Thị Bảy

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Bích Như là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 29 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 89/2024/TLST-DS ngày 12 tháng 12 năm 2024 về việc tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 137/2025/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty cổ phần S Có Ngay.

Địa chỉ trụ sở: Số A, đường N, phường B, thành phố V, tỉnh Nghệ An.

Đại diện theo pháp luật: Ông KANOKWATPAISAL NAPAT – Giám đốc

Người đại diện hợp pháp: Ông Trần Thanh T, sinh năm 1989 – Nhân viên Công ty cổ phần S Có Ngay. Địa chỉ: Số C, đường L, khóm G, phường G, thành phố C, tỉnh Cà Mau (Theo giấy ủy quyền số 196/2023/UQ-SVN ngày 01/12/2023) (xin vắng mặt).

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1990 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện của nguyên đơn và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án ông Trần Thanh T là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày như sau:

Ngày 19/6/2024 ông Nguyễn Văn Đ có ký với Công ty cổ phần S - Chi nhánh C (gọi tắt là Công ty) hợp đồng cầm cố tài sản số ACM240601003NA24X. Tài sản cầm cố là chiếc xe mô tô hiệu VARIO 125, màu đỏ đen, biển số 69AD-108.73, giấy chứng nhận đăng ký xe số 003003 do Công an xã T cấp ngày 08/5/2024 đứng tên Nguyễn Văn Đ, số tiền nhận cầm cố

là 21.010.638,30 đồng, thời hạn cầm cố 12 tháng, lãi suất cố định là 1,1%/tháng trên dư nợ thực tế tính từ ngày ký hợp đồng và nhận tiền, lãi quá hạn bằng 4% số tiền quá hạn thanh toán/tháng tính từ thời điểm phát sinh nợ quá hạn, phí quản lý hồ sơ cố định bằng 0.5% trên dư nợ thực tế tính từ ngày ký hợp đồng và nhận tiền, phí mượn xe là 5.4% số tiền cầm cố/tháng; Phí phạt vi phạm nghĩa vụ thanh toán 8% giá trị phần nghĩa vụ bị vi phạm; Phí tắt toán hợp đồng trước hạn là 7% nợ gốc chưa thanh toán; Chi phí tố tụng bằng 10% trên dư nợ gốc, lãi, phí quản lý hồ sơ cố định chưa thanh toán. Thanh toán gốc, lãi và phí trong hạn định kỳ hàng tháng là 1.938.174,59 đồng.

Để bảo đảm cho hợp đồng cầm cố ông Đ đã thế chấp tài sản bảo đảm là chiếc xe mô tô hiệu VARIO 125, màu đỏ đen, biển số 69AD-108.73, giấy chứng nhận đăng ký xe số 003003 do Công an huyện C cấp ngày 08/5/2024 đứng tên Nguyễn Văn Đ. Tài sản được đăng ký giao dịch bảo đảm trên hệ thống trực tuyến của cục Đ1 số đăng ký giao dịch 1549000255 wed <https://dktructuyen.moj.gov.vn/>.

Theo hợp đồng cầm cố đã ký thì Công ty đã giải ngân đầy đủ số tiền cầm cố cho ông Đ nhận. Do nhu cầu đi lại hàng ngày nên ông Đ làm giấy mượn lại chiếc xe trên để làm phương tiện đi lại nên cùng ngày 19/6/2024 Công ty đã cho ông Đ mượn lại chiếc xe, thỏa thuận trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày 19/6/2024 đến ngày 19/7/2024 ông Đ phải trả lại xe cho Công ty, phí mượn xe là 1.134.574,47 đồng/tháng. Tuy nhiên, đến nay ông Đ vẫn chưa trả xe cho Công ty. Đối với bản gốc giấy tờ xe thì Công ty đang quản lý. Quá trình trả nợ ông Đ đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ theo hợp đồng cầm cố đã ký và không trả lại xe theo giấy mượn xe ngày 19/6/2024.

Nay Công ty khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc: Ông Đ phải thực hiện nghĩa vụ trả lại chiếc xe mô tô hiệu VARIO 125, màu đỏ đen, biển số 69AD-108.73, giấy chứng nhận đăng ký xe số 003003 do Công an huyện C cấp ngày 08/5/2024 đứng tên Nguyễn Văn Đ.

-Trường hợp ông Đ không trả lại xe thì phải thanh toán cho Công ty số tiền tạm tính đến ngày 11/11/2024 là 34.623.445 đồng. Trong đó, tiền nợ gốc là 21.010.638 đồng và lãi trong hạn là 1.155.585 đồng, lãi quá hạn là 838.339 đồng, phí quản lý hồ sơ cố định là 525.266 đồng, phí phạt vi phạm nghĩa vụ thanh toán 1.680.851 đồng, phí mượn xe là 5.672.872 đồng, phí tắt toán hợp đồng trước thời hạn là 1.470.745 đồng, chi phí tố tụng là 2.269.149 đồng.

-Buộc ông Đ tiếp tục chịu khoản lãi và phí phát sinh theo hợp đồng cầm cố và giấy mượn xe cho đến khi thanh toán xong nợ. Trường hợp ông Đ không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ nêu trên thì yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ cho Công ty. Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ

thanh toán thì ông Đ phải có nghĩa vụ trả hết nợ cho Công ty. Buộc ông Đ phải chịu các chi phí tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án.

Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện. Nguyên đơn chỉ yêu cầu ông Đ thanh toán số tiền tính đến ngày 10/4/2025 làm tròn là 23.098.000 đồng, trong đó tiền gốc là 21.010.638 đồng, tiền lãi trong hạn là 1.1% là 09 tháng 21 ngày từ ngày 19/7/2024 đến ngày 10/4/2025 là $21.010.638 \times 1.1\% \times 9 \text{ tháng } 21 \text{ ngày} = 2.087.756$ đồng. Ngoài ra, công ty không yêu cầu gì khác.

Đối với ông Nguyễn Văn Đ: Mặc dù ông Đ đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng triệu tập ông đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, triệu tập tham gia phiên tòa xét xử vụ án nhưng ông Đ vẫn vắng mặt không có lý do, không gửi văn bản ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản, hợp đồng cầm cố được thực hiện tại Công ty cổ phần S - Chi nhánh C tại địa chỉ phường E, thành phố C, tỉnh Cà Mau. Theo quy định tại điểm g khoản 1 điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Bị đơn là ông Nguyễn Văn Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa xét xử nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn xin vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện. Xét việc thay đổi yêu cầu của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, không trái quy định của pháp luật, không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự chấp nhận yêu cầu thay đổi của nguyên đơn.

[2] Về nội dung tranh chấp: Tại Hợp đồng cầm cố số ACM240601003NA24X ký kết vào ngày 19/6/2024 giữa Công ty Cổ phần S Có Ngay với ông Nguyễn Văn Đ thể hiện: Tài sản cầm cố là chiếc xe mô tô hiệu VARIO 125, màu đỏ đen, biển số 69AD-108.73, giấy chứng nhận đăng ký xe số 003003 do Công an huyện C cấp ngày 08/5/2024 đứng tên Nguyễn Văn Đ, số tiền nhận cầm cố là 21.010.638 đồng, thời hạn cầm cố là 12 tháng với mức lãi suất 1,1%/tháng và các khoản lãi, phí khác. Đồng thời, cùng ngày ông Đ ký giấy mượn xe với thời hạn từ ngày 19/6/2024 đến ngày 19/7/2024, phí mượn xe là 1.0134.574,47 đồng/tháng. Tuy nhiên, quá trình thực hiện hợp đồng ông Đ đã vi phạm nghĩa vụ theo các hợp đồng cầm cố và giấy mượn xe đã ký nên các bên phát sinh tranh chấp.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Nguyên đơn yêu cầu ông Đ thanh toán số tiền tính đến ngày 10/4/2025 làm tròn là 23.098.000 đồng, trong đó tiền gốc là 21.010.638 đồng, tiền lãi trong hạn là 1.1% là 09 tháng 21 ngày từ ngày 19/7/2024 đến ngày 10/4/2025 là $21.010.638 \times 1.1\% \times 9 \text{ tháng } 21 \text{ ngày} = 2.087.756$ đồng. Ngoài ra, công ty không yêu cầu gì khác.

Nhận thấy hợp đồng cầm cố được ký giữa hai bên trên tinh thần tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với quy định pháp luật nên các bên phải có nghĩa vụ thực hiện. Quá trình thực hiện hợp đồng ông Đ đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Quá trình giải quyết vụ án ông Đ không có văn bản ý kiến gửi Tòa án về các vấn đề nguyên đơn yêu cầu. Do đó, Tòa án căn cứ vào hợp đồng cầm cố đã ký giữa các bên và tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp, lời trình bày của nguyên đơn để xét xử vụ án. Xét lời trình bày của nguyên đơn là hoàn toàn phù hợp với tài liệu, chứng cứ có trong vụ án nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn thanh toán cho nguyên số tiền gốc và lãi tổng cộng là 23.098.000 đồng. Các yêu cầu khác tại đơn khởi kiện nguyên đơn không yêu cầu nên hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Công ty cổ phần S có nghĩa vụ trả lại cho ông Nguyễn Văn Đ một bản chính giấy chứng nhận đăng ký xe số 003003 do Công an huyện C cấp ngày 08/5/2024 đứng tên Nguyễn Văn Đ khi ông Đ đã thanh toán xong nợ cho Công ty.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên Công ty Cổ phần S Có Ngay không phải chịu án phí, phần án phí dự nộp được nhận lại. Ông Nguyễn Văn Đ phải chịu án phí dân sự có giá ngạch theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 238, 244 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 309, 468 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần S Có Ngay. Buộc ông Nguyễn Văn Đ trả cho Công ty cổ phần S Có Ngay **số tiền** tổng cộng là 23.098.000 đồng (**Hai mươi ba triệu, không trăm chín mươi tám nghìn đồng**).

Kể từ ngày người có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành khoản tiền nêu trên thì hàng tháng phải chịu lãi suất chậm thi

hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thanh toán.

2. Buộc Công ty cổ phần S có nghĩa vụ trả lại cho ông Nguyễn Văn Đ một bản chính giấy chứng nhận đăng ký xe số 003003 do Công an huyện C cấp ngày 08/5/2024 đứng tên Nguyễn Văn Đ khi ông Đ đã thanh toán xong nợ.

3. Án phí dân sự có giá ngạch: Ông Nguyễn Văn Đ phải chịu án phí 1.155.000 **đồng** (chưa nộp). Công ty cổ phần S Có Ngay không phải chịu án phí. Ngày 10/12/2024 Công ty cổ phần S có nộp tạm ứng 809.000 đồng theo biên lai số 0009889 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau được nhận lại khi án có hiệu lực.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND thành phố Cà Mau;
- Chi cục THADS thành phố Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Út

